

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc Bộ (*có danh sách kèm theo*)

Thực hiện Công văn số 630/BKHCN-KHTC ngày 01/3/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (KHCN&ĐMST) và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ (KHCN) năm 2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng kế hoạch KHCN&ĐMST và dự toán ngân sách KHCN năm 2025 như sau:

## **PHẦN I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHCN&ĐMST NĂM 2023 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

### ***1. Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện cơ chế, chính sách quản lý KHCN&ĐMST***

Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế và chính sách quản lý KHCN&ĐMST trong thực tiễn, trong đó đặc biệt chú ý tình hình thực hiện: cơ chế, chính sách về tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế, chính sách về sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KHCN; cơ chế, chính sách và quy định quản lý tài chính liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ KHCN; cơ chế, chính sách về Quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp; tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

### ***2. Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia, cấp bộ, tỉnh và tương đương***

Các đơn vị báo cáo tổng hợp về tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, tỉnh và tương đương trúng tuyển, được giao và thực hiện trong thời gian nêu trên, thống kê theo các biểu kèm theo đối với các loại nhiệm vụ sau:

- Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia (bao gồm nhiệm vụ KHCN trúng tuyển/được giao, đặt hàng từ các chương trình quốc gia, các quỹ quốc gia, nhiệm vụ nghị định thư, nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia, dự án sản xuất thử nghiệm, ... );

- Chương trình KHCN cấp bộ, đề tài KHCN cấp bộ (cả nhiệm vụ phục vụ quản lý do Vụ/Cục đặt hàng), dự án nâng cao chất lượng tạp chí khoa học của Bộ GDĐT;

- Nhiệm vụ KHCN khác cấp bộ, tỉnh và tương đương (không phải của Bộ GDĐT);

- Các loại hình nhiệm vụ KHCN khác.

### **3. Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện hoạt động KHCN & ĐMST cấp cơ sở**

Các đơn vị báo cáo tổng hợp về tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở và thực hiện thống kê theo các biểu kèm theo những nội dung sau:

- Tình hình triển khai thực hiện đề tài/nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024: thống kê danh mục, kết quả, sản phẩm, kinh phí.

- Tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, đặc biệt là việc gắn kết nghiên cứu với đào tạo, hỗ trợ nghiên cứu sinh từ các nhiệm vụ/đề tài nghiên cứu khoa học.

- Hoạt động thông tin KHCN gồm công tác xuất bản ấn phẩm KHCN (công bố khoa học, tạp chí khoa học, sách, ...), xây dựng cơ sở dữ liệu KHCN, hội nghị và hội thảo khoa học.

- Tình hình, kết quả chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh, hợp tác với doanh nghiệp.

- Hoạt động hỗ trợ và khởi nghiệp sáng tạo.

- Hoạt động hợp tác quốc tế về KHCN;

- Hoạt động sở hữu trí tuệ;

- Hoạt động tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng.

- Hoạt động an toàn và bảo hộ lao động;

- Việc triển khai cơ chế tự chủ và thực hiện nhiệm vụ thường xuyên của các tổ chức KHCN (dành cho các đơn vị: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán, Viện Công nghệ sinh học – Đại học Huế và Viện Nghiên cứu Thiết kế Trường học).

- Các loại hình nhiệm vụ KHCN khác.

- Tình hình kinh phí cho hoạt động KHCN của đơn vị:

Các đơn vị thống kê báo cáo tình hình phân bổ và đánh giá kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KHCN năm 2023, năm 2024 theo nhiệm vụ, hoạt động KHCN, gồm 2 nguồn: ngân sách nhà nước và nguồn khác (kinh phí trích từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị, kinh phí huy động từ các nguồn khác như từ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, nguồn khai thác từ hợp tác quốc tế); Đánh giá tình hình sử dụng, tình hình giải ngân, đặc biệt trong bối cảnh thực hiện tự chủ (về tài chính); những khó khăn, vướng mắc về cơ chế quản lý tài chính, vướng mắc về những vấn đề kỹ thuật, nêu đề xuất kiến nghị các giải pháp khắc phục; thực hiện thống kê theo các biểu kèm theo; đặc biệt chú ý *thống kê kết quả xử lý tài sản, kết quả nghiên cứu hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN theo Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước và các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ KHCN.*

#### **4. Thống kê kết quả nổi bật của hoạt động KHCN&ĐMST của đơn vị**

Các đơn vị thống kê kết quả nổi bật của hoạt động KHCN&ĐMST theo tiêu chí sau:

- Nhiệm vụ KHCN đã được đánh giá nghiệm thu, kết quả đã được công bố.
- Kết quả nghiên cứu có giá trị cao về khoa học, có đóng góp về học thuật, đào tạo nhân lực trình độ cao.
- Kết quả có khả năng ứng dụng và chuyển giao, có tác động nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất, cải thiện hiệu quả sản xuất, kinh doanh của ngành, lĩnh vực, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội.

#### **5. Một số nội dung cần chú ý**

- Báo cáo tổng hợp cần có nhận xét đánh giá về: tác động của các kết quả nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào đời sống, nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của ngành hoặc địa phương, hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thể hiện bằng giá trị khoa học (số lượng công trình nghiên cứu đã công bố quốc tế và trong nước; số lượng các sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và các đối tượng quyền sở hữu công nghiệp khác được cấp văn bằng bảo hộ) và giá trị thực tế (doanh thu, lợi nhuận, bảo vệ môi trường, số lượng người được tập huấn, đào tạo do hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, khai thác tài sản trí tuệ mang lại); tình hình sử dụng kinh phí, xử lý tài sản phát sinh; thuận lợi, khó khăn; kiến nghị và đề xuất để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động KHCN.

- Thống kê kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN năm 2023 và 2024: nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia, chương trình và nhiệm vụ KHCN cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở và nhiệm vụ nghiên cứu theo chức năng, các hoạt động khác theo các biểu yêu cầu.

- Đối với nhiệm vụ nâng cao chất lượng tạp chí khoa học

+ Đối với những tạp chí đã được chỉ mục trong các cơ sở dữ liệu Scopus, ACI: Báo cáo tóm tắt về kết quả hoạt động, giải pháp duy trì và nâng cao chất lượng, bài học kinh nghiệm.

+ Đối với tạp chí nộp hồ sơ gia nhập ACI đầu năm 2024: Báo cáo kết quả đánh giá của ACI, điểm mạnh, điểm yếu của tạp chí; giải pháp, kế hoạch tiếp tục hoàn thiện và gia nhập ACI của tạp chí.

+ Đối với 03 tạp chí được phê duyệt hỗ trợ từ năm 2022: Báo cáo kết quả thực hiện, tự đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chí của ACI.

- Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KHCN, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu và dự án duy tu, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất phòng thí nghiệm sử dụng vốn sự nghiệp KHCN (nếu có) cần báo cáo chi tiết tình hình phân bổ dự toán, tình hình giải ngân, hiệu quả đầu tư.

- Đối với đơn vị có phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia báo cáo tình hình thực hiện kết luận của Kiểm toán Nhà nước năm 2023, đề xuất giải pháp về mô hình tổ chức, quản lý, cơ chế tài chính (Đại học Bách khoa Hà Nội).

## PHẦN II. ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2025

### I. Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia

#### 1. *Nhiệm vụ thuộc các chương trình KHCN cấp quốc gia<sup>1</sup>*

Các đơn vị thực hiện đề xuất nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia thuộc các chương trình KHCN cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 theo Thông báo của Bộ KHCN (quy định tại Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ KHCN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước).

#### 2. *Nhiệm vụ cấp quốc gia khác*

- Các đơn vị, cá nhân gửi đề xuất nhiệm vụ về Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, xử lý gửi Bộ KHCN theo quy định.

- Nhiệm vụ KHCN theo Nghị định thư được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 10/2019/TT-BKHCN ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ KHCN nghệ quy định quản lý nhiệm vụ KHCN theo Nghị định thư.

- Nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học công nghệ quốc gia (Quỹ Nafosted) tài trợ kinh phí, các đơn vị thực hiện theo hướng dẫn và thông báo của Quỹ Phát triển KHCN quốc gia thuộc Bộ KHCN để xem xét tổng hợp.

### II. Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ

#### 1. *Định hướng*

Năm 2025 là năm kết thúc giai đoạn 2021-2025 và chuẩn bị kế hoạch cho giai đoạn 2026-2030, do đó Bộ Giáo dục và Đào tạo định hướng kế hoạch KHCN năm 2025 tập trung hoàn thành các nhiệm vụ kết thúc trong năm 2025, thực hiện đúng tiến độ nhiệm vụ phê duyệt cho 2025 để tạo cơ sở xây dựng kế hoạch nhiệm vụ cho giai đoạn 2026-2030.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục;
- Tiếp tục nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong hệ thống Web of Science/Scopus và ACI.
- Tăng số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích, tài sản trí tuệ được bảo hộ;
- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn đời sống, sản xuất kinh doanh;
- Ưu tiên nghiên cứu, phát triển ứng dụng để chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Xây dựng một số *mô hình đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp*; khuyến khích các đơn vị thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; doanh nghiệp KHCN<sup>2</sup>;
- Gắn kết hoạt động nghiên cứu với đào tạo trình độ cao thông qua nhóm nghiên cứu mạnh, góp phần tích cực nâng hạng đại học trong bảng xếp hạng đại học khu vực và thế giới.

#### 2. *Kế hoạch nhiệm vụ KHCN cấp bộ của Bộ GDĐT*

Các nhiệm vụ KHCN có sản phẩm được xem xét ưu tiên theo thứ tự sau:

<sup>1</sup> Mục tiêu, nội dung, dự kiến sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm khoa học và chỉ tiêu đánh giá của từng Chương trình được nêu tại Quyết định phê duyệt của từng Chương trình tương ứng. Các Quyết định được đăng tải tại mục “Văn bản chỉ đạo, điều hành” trên cổng thông tin điện tử của Bộ KHCN theo địa chỉ: [www.most.gov.vn](http://www.most.gov.vn) và trang web của chương trình theo địa chỉ: [www.vpct.gov.vn/Home.html](http://www.vpct.gov.vn/Home.html).

<sup>2</sup> Triển khai Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

- Đề tài/nhiệm vụ ưu tiên về khoa học giáo dục;
- Có bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong hệ thống Web of Science/Scopus/ACI; có hỗ trợ đào tạo tiến sĩ, đào tạo thạc sĩ;
- Có kết quả đăng ký phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả nghiên cứu có cam kết của doanh nghiệp nhận chuyển giao công nghệ, ứng dụng vào thực tiễn;
- Có kết quả, sản phẩm phục vụ xây dựng cơ chế chính sách, giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế-xã hội,
- Hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao.

#### **a) Đề tài KHCN cấp Bộ**

- Các đơn vị triển khai thực hiện theo Quyết định số 595/QĐ-BGDĐT ngày 20/02/2024 của Bộ GDĐT về việc giao số lượng đề tài KHCN cấp bộ năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc và công văn số 669/BGDĐT-KHCNMT ngày 20/02/2024 hướng dẫn về việc đề xuất đề tài cấp bộ năm 2025.

- Đôn đốc các chủ nhiệm đề tài thực hiện đúng tiến độ và bảo đảm chất lượng các đề tài đã được phê duyệt theo quy định.

#### **b) Nâng cao chất lượng tạp chí khoa học**

- Các đơn vị căn cứ Quyết định 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019-2025, nghiên cứu kinh nghiệm trong nước và quốc tế về tạp chí khoa học, đánh giá kỹ thực trạng, cân đối nguồn lực và triển khai thực hiện các giải pháp phù hợp nâng cao chất lượng tạp chí khoa học của đơn vị mình hướng theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế về chất lượng và đạo đức trong xuất bản khoa học.

- Các đơn vị có dự án nâng cao chất lượng tạp chí khoa học đã được phê duyệt cần quan tâm duy trì và nâng cao chất lượng, đẩy mạnh tiến độ thực hiện theo thuyết minh đã được phê duyệt.

#### **c) Thưởng cho các công trình khoa học**

Thực hiện Quyết định số 495/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc thưởng cho công bố khoa học có giá trị, sáng chế, giải pháp hữu ích và giống cây trồng năm 2023 các đơn vị chú ý việc thống kê, kê khai đầy đủ, chính xác, cập nhật thông tin liên quan đến các công trình khoa học trên trang web của đơn vị để Bộ GDĐT và các bên liên quan tra cứu, tham khảo, đồng thời sẵn sàng báo cáo dữ liệu khi có yêu cầu.

#### **d) Kinh phí chi thường xuyên của các tổ chức KHCN và kinh phí hỗ trợ Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia**

Các tổ chức KHCN thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và của Bộ GDĐT về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; báo cáo theo công văn này các nội dung và kinh phí đề xuất cho năm 2025 để tổng hợp vào kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

#### **đ) Kiểm tra hoạt động khoa học và công nghệ**

Các đơn vị tăng cường công tác kiểm tra tình hình thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, từng bước chấm dứt tình trạng chậm muộn; từ năm 2024, Bộ

GDĐT xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện chính sách pháp luật về KHCN, trong đó có việc thực hiện Nghị định 109/2022/NĐ-CP của Chính phủ; các nhiệm vụ KHCN cấp bộ, cấp cơ sở của các đơn vị.

**e) Nhiệm vụ cấp bộ khác:** đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu, công tác duy tu, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất phòng thí nghiệm phục vụ hoạt động KHCN; Xây dựng các trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thành lập doanh nghiệp KHCN, quỹ KHCN; công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, ... thực hiện theo quy định hiện hành.

Bộ GDĐT thông báo tới các đơn vị về định hướng hoạt động KHCN để các đơn vị chủ động chỉ đạo xây dựng báo cáo, đánh giá, đề xuất các nhiệm vụ kế hoạch KHCN năm 2025, hoàn thiện các phụ lục và gửi về Bộ GDĐT (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) **trước ngày 24/4/2024** để thực hiện công tác tổng hợp kế hoạch.

*Lưu ý:* Báo cáo và các phụ lục chỉ gửi bản scan và file (*định dạng word hoặc excel*) qua eoffice hoặc email [vukhcnmt@moet.gov.vn](mailto:vukhcnmt@moet.gov.vn), [ntdiu@moet.gov.vn](mailto:ntdiu@moet.gov.vn), không gửi bản in. Thông tin chi tiết liên hệ: TS Nguyễn Thị Dịu, SĐT: 0975684794. *kt*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Bộ KHCN (để phối hợp);
- Vụ KHTC, Vụ CSVC, Vụ GDĐH;
- Công thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, KHCNMT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Văn Phúc**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ**

(Kèm theo Công văn số /BGDDT-KHCNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

<b>TT</b>	<b>Tên đơn vị</b>
1	Đại học Đà Nẵng
2	Đại học Huế
3	Đại học Thái Nguyên
4	Đại học Bách khoa Hà Nội
5	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Đà Lạt
8	Trường Đại học Đồng Tháp
9	Trường Đại học Giao thông Vận tải
10	Trường Đại học Hà Nội
11	Trường Đại học Kiên Giang
12	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
13	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
14	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
15	Trường Đại học Mở Hà Nội
16	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
17	Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp
18	Trường Đại học Ngoại thương
19	Trường Đại học Nha Trang
20	Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh
21	Trường Đại học Quy Nhơn
22	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
23	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2
24	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên
25	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
26	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
27	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
28	Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội
29	Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh
30	Trường Đại học Tây Bắc

<b>TT</b>	<b>Tên đơn vị</b>
31	Trường Đại học Tây Nguyên
32	Trường Đại học Thương mại
33	Trường Đại học Việt - Đức
34	Trường Đại học Vinh
35	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội
36	Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh
37	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương
38	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang
39	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh
40	Học viện Quản lý Giáo dục
41	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
42	Viện Nghiên cứu thiết kế trường học
43	Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán

(Danh sách gồm 43 đơn vị)





TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
NĂM 2023 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 THEO SẢN PHẨM

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Lĩnh vực khoa học	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Số bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học</b>			<i>Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh sách WoS, Scopus, bài quốc tế khác, bài hội thảo, ...</i>
1	Bài báo WoS			
2	Bài báo Scopus			
3	Bài báo quốc tế khác			
4	Số bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước			
5	Số sách (chuyên khảo, tham khảo), giáo trình			
6	Ấn phẩm khoa học khác			<i>Ghi chú rõ</i>
<b>II</b>	<b>Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới</b>			<i>Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)</i>
1				
2				
...				
<b>III</b>	<b>Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành</b>			<i>Tên và loại hình doanh nghiệp; địa chỉ; giấy phép kinh doanh; số quyết định công nhận, nhân lực hiện có...</i>
1				
2				
...				
<b>IV</b>	<b>Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình</b>			
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			Tên sản phẩm, nhiệm vụ KH&CN; tình hình thực hiện
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			Ghi rõ kết quả, hiệu quả thực hiện, kèm theo tên nhiệm vụ KH&CN; kinh phí thực hiện (chia rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương;

				từ bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
3	Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu			Đánh giá tình hình thực hiện, số kinh phí và nguồn (trong đó ghi rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; của bộ, ngành, địa phương; từ doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
<b>V</b>	<b>Kết quả khác</b>			<i>Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả</i>
1				
...				

**TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**NĂM 2023 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 THEO NHIỆM VỤ**

<b>Số TT</b>	<b>Nhiệm vụ KHCN (tên loại hình nhiệm vụ)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Thời hạn</b>	<b>Kết quả đạt được</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Nhiệm vụ cấp quốc gia</b>				
1					
2					
...					
<b>II</b>	<b>Nhiệm vụ cấp bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ghi rõ Chương trình, đề tài, nhiệm vụ Vụ/Cục, ...</b>				
1					
2					
...					
<b>III</b>	<b>Nhiệm vụ cấp bộ khác/tỉnh và tương đương: Ghi rõ đề tài Bộ, tỉnh,...</b>				
1					
2					
...					
<b>IV</b>	<b>Nhiệm vụ cấp cơ sở: Đề tài/dự án KHCN cấp cơ sở, Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về nghiên cứu, Hoạt động KHCN thực hiện Nghị định 109/2022/NĐ-CP,...</b>				
<b>I</b>					
2					
...					

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT**  
**NĂM 2023 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

<b>STT</b>	<b>Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ</b>	<b>Xuất xứ</b> <i>(Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)</i>	<b>Hiệu quả kinh tế-xã hội</b> <i>(Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)</i>	<b>Ghi chú</b>
1				
2				
3				
...				

**KẾT QUẢ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TOÁN HỌC**  
**NĂM 2023 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

<b>STT</b>	<b>Tên Chương trình</b>	<b>Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra</b>	<b>Kết quả đã đạt được</b>	<b>Đánh giá mức độ hoàn thành (%)</b>	<b>Lý do</b>
1					
2					
3					
...					

*Biểu TK1-3 do Viện nghiên cứu cao cấp về Toán thực hiện báo cáo*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

ĐƠN VỊ: .....

Phụ lục 1  
**Biểu TK1-4****NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN**

Số TT	Tên tổ chức khoa học và công nghệ	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN và cơ chế hoạt động <sup>1</sup>	Nhân lực hiện có đến 30/6/2024						Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên năm 2024 (Tr. đ)		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH				Từ NSNN	Từ nguồn tự chủ		
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư	Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (6÷9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

*Biểu TK1-4 dành cho :*

- Viện Nghiên cứu Thiết kế trường học
- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
- Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán.
- Viện Công nghệ sinh học – Đại học Huế

<sup>1</sup> Mức độ tự chủ tài chính theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

ĐƠN VỊ: .....

**Phụ lục 1***Biểu TK1-5***KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH, CN&ĐMST  
NĂM 2023 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
<b>I</b>	<b>Số nhiệm vụ KH&amp;CN được triển khai</b>			
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ		
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ		
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ		
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ		
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ		
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ		
<b>II</b>	<b>Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ</b>			
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	DA		
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HĐ		
3	Giám định công nghệ	CN		
4	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	N.vụ		
5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ	Giấy chứng nhận		
<b>III</b>	<b>Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân</b>			
1	Số nguồn phóng xạ kín			
-	<i>Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới</i>	Nguồn		
-	<i>Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng</i>	Nguồn		
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt mới			

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
-	<i>Trong lĩnh vực Y tế</i>	Thiết bị		
-	<i>Trong lĩnh vực Công nghiệp</i>	Thiết bị		
-	<i>Trong An ninh hải quan</i>	Thiết bị		
3	Lượng đồng vị, dược chất phóng xạ được sử dụng trong Y tế	Curie (Ci)		
4	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ	Dự án		
5	Thẩm định hợp đồng chuyên giao công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ	Hợp đồng		
6	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở		
7	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép		
<b>IV</b>	<b>Công tác Sở hữu trí tuệ</b>			
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ		
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn		
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng		
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ		
5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA		
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK		
<b>V</b>	<b>Công tác thông tin và thống kê KH&amp;CN</b>			
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL		
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành	Ấn phẩm, phút		
2.1	<i>Tạp chí/bản tin KH&amp;CN</i>	Tạp chí/bản tin		
2.2	<i>Phóng sự trên đài truyền hình</i>	Buổi phát		
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu		
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN			
4.1	<i>Nhiệm vụ KH&amp;CN đang tiến hành</i>	N.vụ		
4.2	<i>Nhiệm vụ KH&amp;CN đã đăng ký kết quả thực hiện</i>	N.vụ		
4.3	<i>Nhiệm vụ KH&amp;CN được ứng dụng</i>	N.vụ		
5	Thống kê KH&CN			
5.1	<i>Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng</i>	<i>Số cuộc/số phiếu</i>		



Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
5.2	Báo cáo thống kê ngành KH&CN	Báo cáo		
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)			
<b>VI</b>	<b>Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng</b>			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện		
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn		
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn		
4	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015	Đơn vị		
5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc		
6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu		
<b>VII</b>	<b>Công tác thanh tra</b>			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc		
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị		
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ		
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ		
<b>VIII</b>	<b>Hoạt động đổi mới công nghệ</b>			
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	N.vụ		
2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ <sup>2</sup>	Doanh nghiệp		
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp		
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ		

<sup>2</sup> Doanh nghiệp trong năm có một trong các hoạt động sau đây được coi là có đổi mới công nghệ:

- Thực hiện nghiên cứu phát triển công nghệ có kết quả được chuyển giao, đánh giá, nghiệm thu hoặc ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh hoặc có đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp).
- Có nhận chuyển giao công nghệ hoặc đầu tư, mua sắm mới hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị hoặc thay đổi quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hoặc sản xuất hiệu quả hơn (giảm giá thành sản xuất sản phẩm; giảm tiêu thụ năng lượng; nguyên, nhiên, vật liệu; giảm phát thải, đạt các chỉ tiêu về môi trường; ...).
- Đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng như: ISO; HACCP; GMP (thực hành sản xuất tốt); KPI (Đo lường hiệu suất); TPM (duy trì năng suất toàn diện); TQM (quản lý chất lượng toàn diện); PMS (cải tiến năng suất toàn diện); thực hành 5S, Six Sigma, Kaizen, ...
- Đạt được các tiêu chuẩn, chứng nhận chuyên ngành: VietGap, Global Gap, GMP, BRC (Tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu),... hoặc nâng cấp lên mức tiêu chuẩn cao hơn (ví dụ: GMP-ASEAN → GMP-WHO → PIC/S → EU-GMP) hoặc đạt được các chứng chỉ quốc tế (chứng chỉ ASTM của Mỹ; JISG3505, JIS3112 của Nhật Bản; ...).

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HĐ		
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ		
<b>IX</b>	<b>Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&amp;CN</b>			
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
3	Kéo dài thời gian công tác	Người		
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người		
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người		
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người		
<b>X</b>	<b>Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&amp;CN</b>			
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp		
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở		
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị		
<b>XI</b>	<b>Công tác phát triển thị trường KH&amp;CN</b>			
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường	Tr.đ		
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN	%		
<b>XII</b>	<b>Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia</b>			
1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)	Doanh nghiệp		
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án		
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp		
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị		

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức		
6	Số vốn thu hút đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST	Triệu đồng		

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TOÁN HỌC NĂM 2025**

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2024	Dự toán năm 2025	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2025	
A	B	I	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	<b>Tổng cộng</b>										
	<b>Nhiệm vụ chuyển tiếp sang 2025</b>										
1.1	Nhiệm vụ.....										
1.2	Nhiệm vụ.....										
	...										

Biểu TK2-1 do Viện nghiên cứu cao cấp về Toán thực hiện báo cáo

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH/NHIỆM VỤ  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ NĂM 2025**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2024	Dự toán năm 2025	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2025	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	<b>Tổng cộng</b>										
	<b>Nhiệm vụ chuyển tiếp sang 2025</b>										
1.1	Nhiệm vụ.....										
1.2	Nhiệm vụ.....										
	...										